

TUẦN 8- NỘI DUNG GHI BÀI

UNIT 3- A TRIP TO THE COUNTRYSIDE- READ

I. WORD FORM- READ: Các em viết mỗi từ gia đình 5 lần

1. Relax (v): thư giãn
→ relaxed (adj): thoải mái
→ relaxing (adj): thư giãn
→ relaxation (n): sự thư giãn, sự giải trí
2. rest (v): nghỉ ngơi
→ restful (adj)
3. picnic (n): **cuộc đi dã ngoại**
→ Picnicker (n): người đi dã ngoại
→ go picnicking = go for (on) a picnic
→ exchange (v/n): trao đổi → exchangeable (adj.)
(adj): có thể trao đổi
4. hurry (v): vội vã → hurried (adj)
→ hurriedly (adv)
5. arrive (v) → arrival (n)
6. near (adj & adv) → nearly (adv): gần, sắp
→ nearby (adj & adv): ở vị trí gần, không xa

II. VOCABULARY

- Exchange (v,n) → exchange student (n)
- Maize (n)= corn
- Feed- fed-fed
- Nearby (adj & adv)